

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2021/HS-ST

Ngày 06-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Hồng Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Công Gia

Ông Phạm Văn Trương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Thượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Sơn Tung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 130/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1994 tại Đồng Nai; nơi cư trú: ấp 4, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

*Người làm chứng:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1997 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trần Quảng Đại, sinh năm 1997 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 14/9/2021 tại ấp 3, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, trong quá trình tuần tra kiểm soát, Công an xã T phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Đức T về hành vi tàng trữ một gói ni lông bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, T khai mua về nhằm mục đích để sử dụng.

Tang vật thu giữ: 01 gói ni lông trong suốt hàn kín hai đầu, bên trong chứa tinh thể màu trắng được bọc ngoài bằng băng keo dính đen, có kích thước 2,2cm x 3,5cm; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu đồng bị bể màn hình; 01 sim điện thoại số 0333366001.

Tại Kết luận giám định số 1842/KLGD-PC09 ngày 22/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,7994 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,7745 gam. Toàn bộ đối tượng sau giám định được hoàn lại trong niêm phong số: 1842/KLGD-PC09.

Quá trình điều tra T khai nhận toàn bộ hành vi của mình. T là người nghiện ma túy. Sáng ngày 14/9/2021, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T gọi điện cho đối tượng tên Sơn Cây (không xác định được nhân thân, lai lịch) ngụ xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai để thỏa thuận mua ma túy với số tiền 700.000đ, Sơn đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại đường Láng Bò thuộc Ấp 3, xã T, huyện Tân Phú. Khoảng 11 giờ, do không có phương tiện nên T gọi điện cho Nguyễn Đức H nhờ H chở đi công việc thì H đồng ý. T không nói cho H biết việc mua ma túy. H dùng xe mô tô biển số 60FN-2113 chở T vào khu vực Láng Bò. Khi đến nơi, T gặp Sơn điều khiển xe Honda Vision màu đỏ không rõ biển số thì nói H dừng lại. T đi bộ đến chỗ Sơn mua ma túy. Sau đó T nhờ H chở về nhà. Trên đường về thì bị phát hiện bắt người phạm tội quả tang.

Cáo trạng số 135/CT-VKSTP-ĐN ngày 19/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú truy tố Trần Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, việc Tòa án xét xử bị cáo là đúng tội danh, không oan sai. Trong vụ án này, một mình bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, H tuy là người chở nhưng H không biết bị cáo mua và cất giấu ma túy trong người.

Kiểm sát viên sau khi phân tích các dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đặc điểm nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 01 (một) năm (06) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Mẫu vật chứa ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành; 01 sim điện thoại là phương tiện liên lạc để mua ma túy đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận cho hành vi của mình và nói lời sau cùng như sau: Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về hoà nhập với cộng đồng và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội: Bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ mới và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 14/9/2021 tại ấp 3, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, khi Trần Đức T có hành vi tàng trữ 01 gói ni lông bên trong chứa ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,7994 gam nhằm mục đích sử dụng thì bị Công an xã T phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng chất ma túy của Nhà nước. Bản thân bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng vẫn cố ý tàng trữ để sử dụng. Vì vậy, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để sửa đổi, rèn luyện bản thân sau này không vi phạm nữa.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân:

[4.1] Không có tình tiết tăng nặng;

[4.2] Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy, trước và sau khi phạm tội bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và tài sản riêng do đó không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 1842/KLGD-PC09 bên trong chứa ma túy sau giám định; 01 sim thuê bao số 0333366001.

01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 màu đồng bị bể màn hình là tài sản của Trần Quảng Đại, anh Đại không biết bị cáo mượn để liên lạc mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đại.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối tượng tên S là người T khai bán ma túy cho mình, cơ quan điều tra chưa xác định nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

Nguyễn Đức H dùng xe mô tô chở T nhưng không biết hành vi phạm tội của T nên không xem xét vai trò trong vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, loại, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt Trần Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mẫu vật sau giám định số 1842/KLGD-PC09 bên trong chứa chất ma túy; 01 sim điện thoại số 0333366001.

Vật chứng được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/11/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát huyện Tân Phú;
- CQCSĐT huyện Tân Phú;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Phan Hồng Thạnh**